

DỰ THẢO

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 77

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Bà Hà Kiệt Trần	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban	
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”), được lập vào ngày 20 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 77 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.815.667.074 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.899.832.195	8.435.357.672
110	I. Tiền	5	193.660.855	149.708.825
111	1. Tiền		193.660.855	149.708.825
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.869.211.087	7.536.948.369
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.995.354.021	1.383.718.468
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.202.174.942	1.022.089.432
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.767.537.117	2.684.222.732
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.958.048.124	2.504.387.857
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(53.903.117)	(57.470.120)
140	III. Hàng tồn kho	10	737.803.134	694.457.742
141	1. Hàng tồn kho		740.144.709	696.799.317
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		99.157.119	54.242.736
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	74.175.262	28.514.802
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	21.781.029	22.588.435
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	3.200.828	3.139.499
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.101.898.500	13.845.458.167
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		576.566.442	1.293.470.367
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	46.813.199
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	576.566.442	1.246.657.168
220	II. Tài sản cố định		7.509.102.367	6.567.006.867
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.117.117.708	6.319.160.472
222	Nguyên giá		9.324.537.985	8.209.625.199
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.207.420.277)	(1.890.464.727)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	391.984.659	247.846.395
228	Nguyên giá		438.680.319	288.535.319
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.695.660)	(40.688.924)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	33.350.534	34.296.263
231	1. Nguyên giá		47.003.809	47.003.809
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(13.653.275)	(12.707.546)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.034.091.657	5.022.320.011
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	6.034.091.657	5.022.320.011
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	539.112.037	557.387.037
253	1. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		917.550.007	917.550.007
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(378.437.970)	(360.162.970)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		409.675.463	370.977.622
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	409.675.463	370.977.622
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.001.730.695	22.280.815.839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.635.820.552	12.955.187.719
310	I. Nợ ngắn hạn		13.721.035.844	11.122.837.652
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.028.422.497	987.308.074
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	199.784.450	196.242.091
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	2.992.145	4.375.602
314	4. Phải trả người lao động		104.931.881	67.888.786
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	2.230.347.390	4.004.971.339
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	2.242.167.663	113.629.996
320	7. Vay ngắn hạn	23	7.912.286.308	5.748.318.254
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		1.914.784.708	1.832.350.067
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	95.832.110	169.506.186
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	7.666.630	21.938.626
338	3. Vay dài hạn	23	1.407.547.658	1.217.151.938
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	398.373.476	418.388.483
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.365.910.143	9.325.628.120
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.365.910.143	9.325.628.120
411	1. Vốn cổ phần	24.1	10.574.679.470	10.574.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.574.679.470	10.574.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ	24.1	(686.640)	(686.640)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(1.214.349.858)	(1.407.086.490)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	24.1	399.544.741	(422.660.071)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(424.196.071)	(1.436.093.154)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		823.740.812	1.013.433.083
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	606.722.430	581.381.851
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26.001.730.695	22.280.815.839

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	3.724.857.695	2.795.884.765
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(15.689.866)	(33.864.754)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	3.709.167.829	2.762.020.011
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(2.257.059.974)	(1.781.377.844)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.452.107.855	980.642.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	135.595.376	162.872.958
22	7. Chi phí tài chính	29	(393.293.016)	(339.967.196)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(356.640.010)	(326.960.944)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	(217.988.733)	(202.175.136)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(83.262.270)	(86.332.677)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		893.159.212	515.040.116
31	12. Thu nhập khác	31	10.463.251	2.283.352
32	13. Chi phí khác	31	(53.407.375)	(31.635.778)
40	14. Lỗ khác	31	(42.944.124)	(29.352.426)
50	15. Lợi nhuận kế toán trước thuế		850.215.088	485.687.690
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	-	(884.809)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	20.015.007	15.391.144
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		870.230.095	500.194.025
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		823.740.812	477.549.149
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		46.489.283	22.644.876
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	779	490
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	779	490

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		850.215.088	485.687.690
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	304.286.408	363.691.974
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		21.964.467	(1.507.292)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(11.253.794)	22.612.627
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(88.589.202)	(138.425.055)
06	Chi phí lãi vay	29	356.640.010	326.960.944
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.433.262.977	1.059.020.888
09	Tăng các khoản phải thu		(836.295.863)	(762.815.187)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(318.575.702)	161.197.502
11	Giảm các khoản phải trả		(1.248.732.384)	(739.023.484)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(143.349.119)	19.297.968
14	Tiền lãi vay đã trả		(199.845.246)	(173.849.310)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(37.667)	(28.861.207)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.536.000)	(1.408.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.315.109.004)	(466.440.830)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(660.616.838)	(333.800.925)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		37.399.990	26.120.161
23	Tiền chi cho vay		(474.906.254)	(258.204.731)
24	Tiền thu hồi cho vay		286.217.129	197.358.969
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.500.000	434.414.952
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.047.556	9.770.380
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(970.358.417)	75.658.806

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24.1	-	1.300.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	23	6.411.534.410	2.424.480.389
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(4.082.114.959)	(3.239.481.849)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		2.329.419.451	484.998.540
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		43.952.030	94.216.516
60	Tiền đầu kỳ		149.708.825	41.812.548
70	Tiền cuối kỳ	5	193.660.855	136.029.064

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp và mười (10) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,78	98,78
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay (“Khăn Xay”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“Chăn nuôi Gia Lai”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	85,00
(5) Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,91
(6) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,47
(7) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	98,47
(8) Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(9) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	97,49
(10) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,49
(11) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(12) Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,74
(13) Công ty TNHH MTV Cá tầm Bolaven Paksong	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,74
(14) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	85,00	82,93

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp và mười (10) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau: (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(15) Công ty Cổ phần Thể thao Lpbank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,49
(16) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
----------------------	---------------	-----------------------------	-----------------------------	-------------------------

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Dịch vụ hàng hóa – xây dựng

(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

Quản lý bất động sản và khách sạn

(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
---------------------------------	-------------------	----------------	---	---

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.537 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.756).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc giai đoạn báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.815.668.074 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay và trái phiếu đến hạn thanh toán như được trình bày tại *Thuyết minh số 23*. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đã lập kế hoạch kinh doanh cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền hoạt động tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay liên quan. Theo đó, Tập đoàn kỳ vọng có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện trong trường hợp Tập đoàn không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây sầu riêng được thực hiện dựa trên Quyết định số 109/QĐ-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây sầu riêng theo chu kỳ khai thác.

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 *Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất giữa niên độ thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.21 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (nông nghiệp, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Mua Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang (“Mang Yang”)

Vào ngày 9 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất mua 40.100.000 cổ phần phát hành mới, tương đương 97,57% tỷ lệ sở hữu trong Mang Yang qua việc chuyển đổi các khoản phải thu với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 401.000.000 ngàn VND. Theo đó, Mang Yang đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

Mang Yang là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901209334, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 4 tháng 4 năm 2024. Hoạt động kinh doanh chính của Mang Yang trong kỳ là trồng cây ăn quả.

4.2 Mua Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven (“Cá tầm Bolaven”)

Vào ngày 24 và ngày 26 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất mua 15.000.000 cổ phần phát hành mới và mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cá nhân khác, tương đương với 98,74% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cá tầm Bolaven, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 350.000.000 ngàn VND. Theo đó, Cá tầm Bolaven đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát công ty con do Cá tầm Bolaven sở hữu 100% tại ngày mua là Công ty TNHH Cá tầm Bolaven Paksong.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.2 **Mua Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven (“Cá tầm Bolaven”)** (tiếp theo)

Tại ngày mua, Cá tầm Bolaven và công ty con đang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp là 150 ha tại Tỉnh Champasak, Lào. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Cá tầm Bolaven là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sau này.

Cá tầm Bolaven là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901208330, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 3 năm 2024. Hoạt động kinh doanh chính của Cá tầm Bolaven trong kỳ là nuôi trồng thủy sản nội địa và trồng cây ăn quả.

4.3 **Mua Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Souk Houng Heang (“SHH”)**

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất mua 100% vốn góp trong SHH bằng tiền và qua việc chuyển đổi các khoản phải thu với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 228.895.814 ngàn VND. Theo đó, SHH đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

Tại ngày mua, SHH đang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp là 150 ha tại Tỉnh Champasak, Lào. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua vốn góp của SHH là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sau này.

SHH là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 16-00010343, do Sở Công thương và Thương mại Champasak cấp ngày 23 tháng 8 năm 2023. Hoạt động kinh doanh chính của SHH trong kỳ là trồng cây ăn quả.

4.4 **Giải thể Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp (“Kon Thụp”)**

Trong kỳ, Kon Thụp đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lỗ là 6.238.932 ngàn VND từ việc giải thể công ty con này vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (TM số 29).

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	9.364.642	5.203.706
Tiền gửi ngân hàng	181.632.120	143.865.925
Tiền đang chuyển	2.664.093	639.194
TỔNG CỘNG	193.660.855	149.708.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.987.482.188	1.376.688.046
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Cá nước ngọt Gia Lai	520.138.709	221.341.692
- Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	299.182.493	218.494.975
- Công ty TNHH Thương mại XNK Mahasin	140.469.966	64.612.157
- Công ty TNHH Thương mại XNK Oudomsin	112.715.297	80.931.675
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	62.006.483	246.296.165
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông nghiệp Linkin	27.095.799	76.686.898
- Khác	825.873.441	468.324.484
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	6.000.000	-
Phải thu khác	1.871.833	7.030.422
TỔNG CỘNG	1.995.354.021	1.383.718.468
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>1.633.352.393</i>	<i>696.649.225</i>
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh ("TM") số 33)</i>	<i>362.001.628</i>	<i>687.069.243</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(13.096.893)	(14.128.653)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.982.257.128	1.369.589.815

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	14.128.653	7.323.416
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	2.973.422	7.841.396
Trừ: Thanh lý công ty con trong kỳ	(2.000.648)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.004.534)	(1.036.159)
Số cuối kỳ	13.096.893	14.128.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.181.196.319	996.970.472
Trong đó:		
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	1.158.458.693	969.470.200
- Các nhà cung cấp khác	22.737.626	27.500.272
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	20.978.623	25.118.960
TỔNG CỘNG	1.202.174.942	1.022.089.432
Trong đó:		
Trả trước các bên liên quan (TM số 33)	1.158.458.693	969.470.197
Trả trước các bên thứ ba	43.716.249	52.619.235
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(7.882.918)	(6.549.643)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.194.292.024	1.015.539.789

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	6.549.643	404.852
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.333.275	6.178.923
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(34.132)
Số cuối kỳ	7.882.918	6.549.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	2.233.282.230	2.361.062.055
Cho vay ngắn hạn các bên thứ ba (ii)	1.534.254.887	323.160.677
	<u>3.767.537.117</u>	<u>2.684.222.732</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên thứ ba	-	46.813.199
	<u>-</u>	<u>46.813.199</u>
TỔNG CỘNG	3.767.537.117	2.731.035.931
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(23.562.646)	(23.959.811)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.743.974.471	2.707.076.120

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	23.959.811	18.363.688
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.506.548	855.908
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.903.713)	(309.503)
Số cuối kỳ	<u>23.562.646</u>	<u>18.910.093</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	23.562.646	18.910.093

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2025 đến năm 2026 và hưởng lãi suất 7,5%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên thứ ba với thời hạn hoàn trả từ năm 2025 đến năm 2026 và hưởng lãi suất 7,95% - 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Đặt cọc Hợp tác Kinh doanh ("HTKD") (*)	1.520.000.000	1.520.000.000
Trong đó:		
- Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	820.000.000	820.000.000
- Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	700.000.000	700.000.000
Phải thu từ Hợp đồng HTKD với Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (**)	350.000.000	350.000.000
Phải thu lãi cho vay	199.012.045	137.514.178
Cho mượn	856.534.149	454.008.253
Tạm ứng cho nhân viên	20.268.116	25.179.051
Phải thu ngắn hạn khác	12.233.814	17.686.375
	<u>2.958.048.124</u>	<u>2.504.387.857</u>
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng HTKD (***)	517.598.013	1.227.571.267
Phải thu lãi cho vay	26.585.927	6.703.400
Cho mượn	20.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	12.382.502	12.382.501
	<u>576.566.442</u>	<u>1.246.657.168</u>
TỔNG CỘNG	3.534.614.566	3.751.045.025
Trong đó:		
Phải thu khác các bên thứ ba	2.578.801.341	2.856.727.210
Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	935.813.225	894.317.815
Phải thu khác dài hạn các bên liên quan (TM số 33)	20.000.000	-
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(9.360.660)	(12.832.013)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.525.253.906	3.738.213.012

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	12.832.013	14.129.951
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	2.094.585	2.976.898
Trừ: Thanh lý công ty con	(5.374.624)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(191.314)	(4.274.836)
Số cuối kỳ	<u>9.360.660</u>	<u>11.695.628</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	9.360.660	11.695.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (*) Đây là khoản đặt cọc theo các Hợp đồng đặt cọc HTKD nhằm phát triển dự án cây ăn trái với tổng diện tích ước tính là 4.484 ha với các công ty với chi tiết như sau:
- Hợp đồng đặt cọc HTKD số 2905/2023/DCHTKD/LM-TT ngày 29 tháng 5 năm 2023 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 1 ngày 28 tháng 5 năm 2024 với Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung với giá trị đặt cọc là 820.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án cây ăn trái tọa lạc tại Bản Madka và Bản Nongmuang, Huyện Sanamxay và Bản Kengnhay, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào. Các bên sẽ tiến hành HTKD vào năm 2025 và dự án dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư vào năm 2027. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu.
 - Hợp đồng đặt cọc HTKD số 2305/2023/DCHTKD/LM-PQ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 1 ngày 22 tháng 5 năm 2024 với Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai với giá trị đặt cọc là 700.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án cây ăn trái tọa lạc tại Xã Ia Băng, Huyện Đắk Đoa và Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Các bên sẽ tiến hành HTKD vào năm 2025 và dự án dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư vào năm 2027. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu.
- (**) Đây là khoản phải thu từ Hợp đồng HTKD số 2010/2020/HTĐTKD/LEME-DVTN ngày 20 tháng 10 năm 2020 với Công ty TNHH Dịch Vụ Nông nghiệp Tây Nguyên về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn trái tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
- (***) Đây là các khoản phải thu theo các Hợp đồng HTKD với các công ty đối tác như sau:
- Hợp đồng HTKD số 01-10/2024KX-SST ngày 1 tháng 10 năm 2024 với Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nông Lâm nghiệp Saysettha nhằm mục đích phát triển trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh sinh lợi. Các bên sẽ tiến hành HTKD từ năm 2024 đến ngày 31 tháng 9 năm 2029. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
 - Hợp đồng HTKD số 01/2025 BM-BL ngày 2 tháng 1 năm 2025 với Công ty TNHH Phát triển Nông Lâm nghiệp Banlung nhằm mục đích phát triển trồng trọt và kinh doanh sinh lợi. Các bên sẽ tiến hành HTKD từ năm 2025 đến ngày 2 tháng 1 năm 2030. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.
 - Hợp đồng HTKD số 01/05/25KX-DTBLV ngày 1 tháng 5 năm 2025 với Công ty TNHH MTV PTNN và Trồng Dâu tằm Bolaven nhằm mục đích phát triển trồng trọt, nuôi tằm và kinh doanh sinh lợi. Các bên sẽ tiến hành HTKD từ năm 2025 đến ngày 1 tháng 5 năm 2030. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	561.580.273	525.227.841
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)</i>	318.531.994	351.364.186
- <i>Chăn nuôi</i>	242.891.188	173.702.955
- <i>Hợp đồng xây dựng</i>	157.091	160.700
Nguyên vật liệu	82.568.976	82.086.953
Hàng hóa	67.250.726	60.141.005
Thành phẩm	26.460.727	26.166.277
Công cụ, dụng cụ	2.284.007	3.177.241
TỔNG CỘNG	740.144.709	696.799.317
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	737.803.134	694.457.742

- (i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây ăn quả</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.744.611.007	215.679.343	529.786.457	4.279.003	4.715.269.389	8.209.625.199
Mua công ty con	12.070.705	244.746	606.877	-	555.586.904	568.509.232
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	146.643.224	-	126.459.402	-	160.150.036	433.252.662
Mua mới	-	1.584.031	10.729.198	-	-	12.313.229
Xóa sổ và thanh lý tài sản	(4.319.453)	(2.786.866)	-	-	-	(7.106.319)
Chênh lệch tỷ giá	46.091.315	929.633	10.623.750	-	50.299.284	107.943.982
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.945.096.798	215.650.887	678.205.684	4.279.003	5.481.305.613	9.324.537.985
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	41.706.512	23.912.206	35.117.475	2.915.109	6.689.440	110.340.742
Giá trị khấu hao lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(552.753.827)	(95.151.280)	(203.245.111)	(3.823.180)	(1.035.491.329)	(1.890.464.727)
Mua công ty con	(934.145)	(33.759)	(20.229)	-	(925.978)	(1.914.111)
Khấu hao trong kỳ	(79.795.880)	(9.510.084)	(23.119.793)	(127.480)	(184.780.706)	(297.333.943)
Xóa sổ và thanh lý tài sản	792.682	1.021.851	-	-	-	1.814.533
Chênh lệch tỷ giá	(8.470.151)	(350.425)	(3.145.621)	-	(7.555.832)	(19.522.029)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(641.161.321)	(104.023.697)	(229.530.754)	(3.950.660)	(1.228.753.845)	(2.207.420.277)
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.191.857.180	120.528.063	326.541.346	455.823	3.679.778.060	6.319.160.472
Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (*)	2.303.935.477	111.627.190	448.674.930	328.343	4.252.551.768	7.117.117.708

(*) Các tài sản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23 và 34).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	273.552.454	14.982.865	288.535.319
Mua mới trong kỳ	<u>150.000.000</u>	<u>145.000</u>	<u>150.145.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>423.552.454</u>	<u>15.127.865</u>	<u>438.680.319</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	14.874.689	14.874.689
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(25.786.289)	(14.902.635)	(40.688.924)
Hao mòn trong kỳ	<u>(5.991.327)</u>	<u>(15.409)</u>	<u>(6.006.736)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>(31.777.616)</u>	<u>(14.918.044)</u>	<u>(46.695.660)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>247.766.165</u>	<u>80.230</u>	<u>247.846.395</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>391.774.838</u>	<u>209.821</u>	<u>391.984.659</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)</i>	122.452.332	-	122.452.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Ngàn VND

Nhà cửa,
vật kiến trúc

Nguyên giá

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 47.003.809

Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (12.707.546)

Khấu hao trong kỳ (945.729)

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (13.653.275)

Giá trị còn lại

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 34.296.263

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 33.350.534

Trong đó:

Thế chấp để đảm bảo cho
các khoản vay (TM số 23)

33.350.534

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
--	---	---

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.391.262	1.758.189
--	-----------	-----------

Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	945.729	945.729
--	---------	---------

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
--	-----------------------------	------------------------------

Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	4.796.820.823	3.941.985.516
--	---------------	---------------

Dự án chăn nuôi (*)	1.020.222.881	990.263.029
---------------------	---------------	-------------

Nhà xưởng và nhà máy nông trường	75.043.550	28.953.675
----------------------------------	------------	------------

Khác	142.004.403	61.117.791
------	-------------	------------

TỔNG CỘNG

<u>6.034.091.657</u>	<u>5.022.320.011</u>
----------------------	----------------------

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 9.400.330 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 9.723.743 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	917.550.007	917.550.007
TỔNG CỘNG	917.550.007	917.550.007
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(378.437.970)	(360.162.970)
GIÁ TRỊ THUẦN	539.112.037	557.387.037

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	-	-	25,00	-

(*) Vào ngày 20 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá chuyển nhượng là 6.000.000 ngàn VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	8,24	909.019.966	8,24	909.019.966
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			917.550.007		917.550.007
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(378.437.970)		(360.162.970)
GIÁ TRỊ THUẦN			539.112.037		557.387.037

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	65.332.518	14.478.879
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	-	6.929.278
Chi phí khác	8.842.744	7.106.645
	<u>74.175.262</u>	<u>28.514.802</u>
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi (*)	171.145.754	62.903.782
Chi phí khai hoang	141.918.302	141.581.724
Chi phí cải tạo vườn cây ăn quả	57.393.942	78.025.529
Tiền thuê đất	18.109.341	20.288.642
Công cụ, dụng cụ	8.875.971	53.717.079
Chi phí khác	12.232.153	14.460.866
	<u>409.675.463</u>	<u>370.977.622</u>
TỔNG CỘNG	<u>483.850.725</u>	<u>399.492.424</u>

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	970.009.625	955.741.541
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	386.820.688	500.773.641
- Công ty Cổ phần IAPACCO	113.219.645	123.643.769
- Các nhà cung cấp khác	469.969.292	331.324.131
Phải trả các bên khác	58.412.872	31.566.533
TỔNG CỘNG	<u>1.028.422.497</u>	<u>987.308.074</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên thứ ba	1.003.322.715	934.456.558
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	25.099.782	52.851.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	199.784.450	196.242.091
Trong đó:		
- Công ty TNHH Vinacapital Phước Điền	162.680.988	162.680.988
- Công ty TNHH Fruitsco	17.456.230	23.484.412
- Các khách hàng khác	19.647.232	10.076.691
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 33)	-	-
TỔNG CỘNG	199.784.450	196.242.091

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	22.588.435	169.970.662	(170.778.068)	21.781.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	7.539	-	(7.539)	-
Thuế khác	3.131.960	641.934	(573.066)	3.200.828
TỔNG CỘNG	25.727.934	170.612.596	(171.358.673)	24.981.857
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.924.169	155.005.044	(155.957.907)	971.306
Thuế thu nhập cá nhân	1.980.608	7.572.291	(7.753.239)	1.799.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	103.625	-	(103.625)	-
Thuế khác	367.200	3.439.141	(3.585.162)	221.179
TỔNG CỘNG	4.375.602	166.016.476	(167.399.933)	2.992.145

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (*)	2.137.705.773	3.910.661.407
Chi phí hoạt động	76.733.507	71.119.835
Chi phí khác	15.908.110	23.190.097
	<u>2.230.347.390</u>	<u>4.004.971.339</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	95.832.110	169.506.186
TỔNG CỘNG	2.326.179.500	4.174.477.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ (tiếp theo)

- (*) Một phần lãi trái phiếu phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 1.936.503.588 ngàn VND và lãi trái phiếu phát sinh trong kỳ với giá trị là 111.362.574 ngàn VND đã được chuyển đổi thành khoản phải trả ngắn hạn khác (TM số 22).

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Phải trả do chuyển đổi lãi trái phiếu (i)	2.047.866.162	-
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	585.689.723	-
- Ông Hồ Phúc Trường	487.392.146	-
- Ông Nguyễn Đức Trung	487.392.146	-
- Bà Nguyễn Thị Đào	389.094.571	-
- Ông Phan Công Danh	49.148.788	-
- Bà Nguyễn Anh Thảo	49.148.788	-
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (ii)	145.379.395	63.520.814
Khác	48.922.106	50.109.182
	<u>2.242.167.663</u>	<u>113.629.996</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (ii)	<u>7.666.630</u>	<u>21.938.626</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.249.834.293</u>	<u>135.568.622</u>
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	2.245.431.390	127.792.055
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	4.402.903	7.776.567
(i) Khoản này thể hiện các khoản phải trả không lãi suất cho các bên cho vay theo các Hợp đồng Mua lại Trái phiếu trước hạn - Trái phiếu 2016 Nhóm B và các Văn bản Thỏa thuận giữa Công ty và các bên cho vay ngày 30 tháng 6 năm 2025 (TM số 23).		
(ii) Khoản mượn không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.1)	5.565.850.385	3.426.076.776
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 23.2) (*)	280.000.000	1.918.506.150
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 23.3)	351.406.708	344.191.553
Vay dài hạn bên khác đến hạn trả (TM số 23.4) (*)	1.699.029.215	43.543.775
Vay ngắn hạn công ty (TM số 23.5)	16.000.000	16.000.000
	<u>7.912.286.308</u>	<u>5.748.318.254</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 23.2) (*)	814.653.166	1.171.204.218
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.3)	217.894.492	15.462.281
Vay dài hạn bên khác (TM số 23.4) (*)	375.000.000	30.485.439
	<u>1.407.547.658</u>	<u>1.217.151.938</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.319.833.966</u>	<u>6.965.470.192</u>

- (*) Đến ngày 5 tháng 6 năm 2025, một phần khoản trái phiếu thường với giá trị gốc là 2.000.000.000 ngàn VND (“Trái phiếu Nhóm B”) và lãi trái phiếu lũy kế đến ngày 20 tháng 5 năm 2025 với giá trị là 2.022.301.329 ngàn VND đã được hoàn tất chuyển nhượng từ BIDV cho các trái chủ mới theo các hợp đồng chuyển nhượng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2025/NQHĐQT-HAGL ngày 29 tháng 6 năm 2025, các Hợp đồng Mua lại Trái phiếu trước hạn - Trái phiếu 2016 Nhóm B và các Văn bản Thỏa thuận giữa Công ty và các trái chủ của Trái phiếu Nhóm B, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản nợ gốc Trái phiếu Nhóm B với giá trị là 2.000.000.000 ngàn VND được chuyển đổi thành khoản nợ vay (TM số 23.4) và lãi trái phiếu lũy kế đến ngày này với giá trị là 2.047.866.162 ngàn VND được chuyển đổi thành khoản phải trả ngắn hạn khác (TM số 21 và 22). Theo đó, khoản nợ gốc trái phiếu thường dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 thể hiện 1.099 trái phiếu nắm giữ bởi BIDV (“Trái phiếu Nhóm A”) với giá trị là 1.099.000.000 ngàn VND (TM số 23.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>Vay dài hạn</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.748.318.254	1.217.151.938	6.965.470.192
Tiền thu từ đi vay	6.176.079.918	235.454.492	6.411.534.410
Mua công ty con	1.447.697	-	1.447.697
Cần trừ công nợ	8.046.159	(2.559.941)	5.486.218
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	1.448.944	1.448.944
Vay dài hạn đến hạn trả	28.970.238	(28.970.238)	-
Chênh lệch tỷ giá	16.539.001	22.463	16.561.464
Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.067.114.959)	(15.000.000)	(4.082.114.959)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>7.912.286.308</u>	<u>1.407.547.658</u>	<u>9.319.833.966</u>

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP")		
Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	3.976.256.766	1.999.928.127
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	661.790.000	731.797.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai	399.999.811	339.999.004
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - Chi nhánh Gia Lai	260.158.657	110.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak	188.188.263	167.353.249
Ngân hàng Cổ phần Hữu hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia - Chi nhánh Pochentong	79.456.888	76.999.396
TỔNG CỘNG	<u>5.565.850.385</u>	<u>3.426.076.776</u>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk				
Khoản vay 1	1.799.999.866	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2025 đến ngày 12 tháng 12 năm 2025	8,75	127.300.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; 345.032.600 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty.
Khoản vay 2	1.199.992.766	Từ ngày 6 tháng 11 năm 2025 đến ngày 26 tháng 3 năm 2026	8,75	Toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai liên quan đến dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững tại các xã: Đắk Ta Ley, Kon Chiêng, Kon Thụp, Lơ Pang, Đắk Yă, Đê Ar, huyện Mang Yang; xã Phú An, xã Cư An, xã Yang Bắc, huyện Đắk Pơ; xã Thành An, thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, theo các Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (“GCNQSDĐ”) số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ129640; 165.750.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty.
Khoản vay 3	976.264.134	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2025 đến ngày 16 tháng 3 năm 2026	8,75	29.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 13.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức; Toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai liên quan đến dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững tại các xã: Đắk Ta Ley, Kon Chiêng, Kon Thụp, Lơ Pang, Đắk Yă, Đê Ar, huyện Mang Yang; xã Phú An, xã Cư An, xã Yang Bắc, huyện Đắk Pơ; xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai theo các GCNQSDĐ số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ 129640, BY 440746, BY 440348, BY 440349.
TỔNG CỘNG	3.976.256.766			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay 1	459.550.000	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025	8,30 - 9,30	45.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang thuộc sở hữu của Công ty; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có GCNQSDĐ số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCN số BY 440735 và công trình nông nghiệp theo GCN số DD 782896, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai; Tài sản gắn liền với đất theo Giấy phép sử dụng đất nhà nước (“GPSĐĐNN”) số 889/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; Thư bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức ngày 13/07/2023; Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐĐNN số 104/TNMT thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu;
Khoản vay 2	202.240.000	Từ ngày 2 tháng 10 năm 2025 đến ngày 14 tháng 12 năm 2025	8,40 - 9,00	Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCNQSDĐ số BY 440736, BY 440744 và công trình nông nghiệp (4 cụm chuồng trại) theo GCNQSDĐ số DD 782897, DD 782898 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; 4.750.000 cổ phần Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán hàng, phụ lục hợp đồng bán hàng (HDTTC 10/2022/HDBD/TTDTMB); Tài sản gắn liền với đất theo GPSĐĐNN số 483/STNMT và 0097/TNMT.
TỔNG CỘNG	661.790.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	200.000.000	Từ ngày 11 tháng 8 năm 2025 đến ngày 25 tháng 3 năm 2026	8,70	23.751.983 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền sử dụng đất ("QSDĐ") và khai thác 10,29 ha tại Xã Ia Tiem, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 2,58 ha tại Xã Ia Bông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 2,1 ha tại Xã Ia Grai, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 16,5 ha tại Làng Ngol, Xã Ia Bông, Huyện ĐakĐoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 14,4 ha tại Làng Klah, Xã Yang Bắc, Huyện Đăk Pơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 1,26 ha ở Thôn Breng, Xã Ia Pếch, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 4,59 ha ở Thôn Kênh Siêu, Xã Chư Prông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Dương Trần Hùng.
Khoản vay 2	199.999.811	Từ ngày 11 tháng 8 năm 2025 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	8,50	28.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
TỔNG CỘNG	399.999.811			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak				
Khoản vay 1	138.159.610	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2025 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 11,00 USD: 8,00	QSDĐ diện tích 6,83ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số A 738-638 Bản Hạt san, Huyện Saysetha,Tỉnh Attapeu, Lào thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng; QSDĐ diện tích 48,52ha, Thửa số 08, Tờ bản đồ số A-730-634 Bản Hạt san, Huyện Saysetha,Tỉnh Attapeu, Lào thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Khoản vay 2	50.028.653	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 12 năm 2025	11,00	Quyền thuê đất, quyền khai thác và tài sản trên đất bao gồm tài sản đã hình thành và hình thành trong tương lai tại lô đất diện tích 150 ha theo Sổ đăng kí số 1, Tờ số 1, GCNQSDĐ số 02, tờ bản đồ số A730-630, Bảng Keangnhai, huyện Saysettha, tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.
TỔNG CỘNG	188.188.263			

Ngân hàng Cổ phần Hữu hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia - Chi nhánh Pochentong

Khoản vay 1	76.456.888	Ngày 12 tháng 2 năm 2026	8,50	6.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Bất động sản tọa lạc tại thửa đất 65,66,67,68,69,70,139,143,55,54,53,52,35 Tờ bản đồ số 49, Thôn Kênh Siêu, Xã Chư Pơng, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Quý; Bất động sản tọa lạc tại thửa đất 01 và 79, Tờ bản đồ số 3, Xã La Bằng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai.
-------------	------------	--------------------------	------	--

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay 1	<u>260.158.657</u>	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2025 đến ngày 29 tháng 12 năm 2025	8,70 - 9,20	10.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; 13.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Bà Đoàn Hoàng Anh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BSC”)	1.099.000.000	3.105.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.346.834)	(15.289.632)
TỔNG CỘNG	1.094.653.166	3.089.710.368
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	814.653.166	1.171.204.218
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	280.000.000	1.918.506.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp
BIDV và BSC	BIDV (*)	1.099.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00%/năm (thực tế trong kỳ: 7,675% - 7,95%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH Cao su Hoàng Anh Quang Minh làm chủ sở hữu; 119 căn hộ chung cư cao cấp HAGL tại Phường Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Nhà máy đá Granit Hoàng Anh Gia Lai tại QL14, Xã Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất tại Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.283,7 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV C.R.D; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 07 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuỗi trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 91.375.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 335 ha chuỗi tại Attapeu, Lào thuộc Công ty MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; 2.789,72 ha tại Stung treng, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sản xuất Bột mì; Nhà máy gỗ nội thất tại Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai; 141,59 ha tại Stung treng, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sản xuất Bột mì; 6.851 con heo giống của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; 9.093 con heo giống của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn phần diện tích đề
cập trong phần Mục đích giải ngân của Hợp đồng Tín dụng, các cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Tập đoàn chưa tiến hành
thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với tổng giá trị là 1.810.793.258 ngàn VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
này, Tập đoàn đang có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	319.661.883	311.819.820
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	217.894.492	-
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào - Chi nhánh Champasak	31.744.825	46.388.389
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank") - Chi nhánh Gia Lai	-	1.445.625
TỔNG CỘNG	569.301.200	359.653.834
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	351.406.708	344.191.553
Vay dài hạn	217.894.492	15.462.281

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ngân hàng Lào Việt - Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay từ ngày 22 tháng 6 năm 2022 đến ngày 15 tháng 9 năm 2022 (*)	<u>319.661.883</u>	Từ ngày 5 tháng 5 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2023	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channousit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn</i> <i>đến hạn trả</i>	<i>319.661.883</i>			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản gốc và lãi vay đến hạn với giá trị lần lượt là 319.661.883 ngàn VND và 128.240.623 ngàn VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk				
Khoản vay 1	199.744.492	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2030	10,90	Toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai liên quan đến dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững tại các xã: Đắk Ta Ley, Kon Chiêng, Kon Thụp, Lơ Pang, Đắk Yă, Đê Ar, huyện Đắk Pơ, xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, theo các Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (“GCNQSDĐ”) số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ129640, BY 440746, BY 440348, BY 440349; 165.750.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty.
Khoản vay 2	18.150.000	Ngày 2 tháng 4 năm 2030	10,90	29.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 13.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền tài sản liên quan đến một phần Dự án phát triển cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi heo theo hướng bền vững theo các GCN quyền sử dụng đất số BY 440253, BY 440254, BY 440255, BY 440256, BY 440257, BY 440346, BY 440347, DQ 129640, BY 440746, BY 440348, BY 440349.
TỔNG CỘNG	217.894.492			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	217.894.492			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
---------------	-----------------------	--	---------------------	------------------

Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Thương Tín Lào – Chi nhánh Champasak

Khoản vay 1	<u>31.744.825</u>	Ngày 7 tháng 6 năm 2026	11,00	
-------------	-------------------	-------------------------	-------	--

Các quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, bao gồm:
Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bìa đồ đất 118,2 ha và bìa đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào;
Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bìa đồ đất 6,7 ha và bìa đồ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào;
Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bìa đồ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào;
Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bìa đồ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào;
Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đồ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào;
Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đồ đất 6,7 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào;
Quyền sử dụng đất số 07 A 660-668 (bìa đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào.

Trong đó:

Vay dài hạn
đến hạn trả

31.744.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn bên khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn bên khác như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hương Việt (*)	572.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00%/năm (Trong kỳ: 7,675)	86.696.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Ông Hồ Phúc Trường (*)	476.000.000			
Ông Nguyễn Đức Trung (*)	476.000.000			
Ông Phan Công Danh (*)	48.000.000			
Bà Nguyễn Anh Thảo (*)	48.000.000			
Bà Nguyễn Thị Đào (*)	380.000.000			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ M.I.S.C Bình Dương (**)	60.543.783	Ngày 1 tháng 12 năm 2026	5,00	Tín chấp.
Công ty Cổ phần Tổng hợp PC (**)	13.485.432	Ngày 12 tháng 4 năm 2026	7,95	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	<u>2.074.029.215</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>375.000.000</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.699.029.215</i>			

(*) Đây là các trái chủ của Trái phiếu Nhóm B đã được thay đổi thành bên cho vay tương ứng với việc chuyển đổi khoản nợ gốc Trái phiếu Nhóm B thành khoản vay.

(**) Đây là các khoản vay dài hạn từ các công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay ngắn hạn từ công ty

Đây là các khoản vay ngắn hạn từ các công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty TNHH MTV Bao Bì Linh Khang (TM số 33)	11.000.000	Ngày 18 tháng 12 năm 2025	8,30	Tín chấp.
Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	<u>5.000.000</u>	Ngày 16 tháng 10 năm 2025	5,00	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	<u>16.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	(1.525.752.918)	279.895.303	(1.669.170.708)	6.358.964.507
Tăng vốn trong kỳ	1.300.000.000	-	-	-	-	1.300.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	489.922.304	489.922.304
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(279.895.303)	279.895.303	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(228.203.212)	-	-	(228.203.212)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(43.745.749)	(43.745.749)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>10.574.679.470</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.753.956.130)</u>	<u>-</u>	<u>(944.634.850)</u>	<u>7.875.401.850</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	10.574.679.470	(686.640)	(1.407.086.490)	-	(422.660.071)	8.744.246.269
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	823.740.812	823.740.812
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	192.736.632	-	-	192.736.632
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>10.574.679.470</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.214.349.858)</u>	<u>-</u>	<u>399.544.741</u>	<u>9.759.187.713</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.057.467.947	1.057.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.057.467.947	1.057.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.057.467.947</i>	<i>1.057.467.947</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.057.399.283	1.057.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.057.399.283</i>	<i>1.057.399.283</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Như được trình bày tại TM số 23, một phần cổ phiếu phổ thông đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	581.381.851	318.505.598
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	46.489.283	22.644.876
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	216.575.980
Giải thể công ty con	(653.894)	(388.465)
Mua công ty con	(20.494.810)	-
Số cuối kỳ	<u>606.722.430</u>	<u>557.337.989</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Ngàn VND)	823.740.812	477.549.149
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	1.057.399.283	975.281.703
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	779	490
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	779	490

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu gộp	3.724.857.695	2.795.884.765
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	3.004.755.134	2.037.539.697
Doanh thu bán hàng hóa	579.471.887	102.279.112
Doanh thu bán heo	134.166.648	611.515.540
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	6.464.026	43.769.324
Doanh thu khác	-	781.092
Khoản giảm trừ	(15.689.866)	(33.864.754)
Giảm giá hàng bán	(15.689.866)	(33.864.754)
Doanh thu thuần	3.709.167.829	2.762.020.011
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	2.989.204.855	2.003.674.943
Doanh thu bán hàng hóa	579.471.887	102.279.112
Doanh thu bán heo	134.027.061	611.515.540
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.464.026	43.769.324
Doanh thu khác	-	781.092
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	3.699.685.811	2.634.590.334
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 33)	9.482.018	127.429.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền cho vay	117.783.966	129.931.106
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.697.263	575.390
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 16.1)	6.000.000	2.051.976
Cổ tức	-	30.228.603
Lãi tiền gửi ngân hàng	114.147	85.883
TỔNG CỘNG	135.595.376	162.872.958
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 33)	94.028.735	121.996.269
Doanh thu với các bên thứ ba	41.566.641	40.876.689

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn bán trái cây	1.504.946.406	1.130.939.724
Giá vốn hàng hóa	565.728.798	85.256.168
Giá vốn heo	155.975.684	528.428.226
Giá vốn dịch vụ	30.409.086	35.960.255
Giá vốn khác	-	793.471
TỔNG CỘNG	2.257.059.974	1.781.377.844

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	356.640.010	326.960.944
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.970.263	23.495.192
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn	18.275.000	(13.705.787)
Lỗ do giải thể công ty con	6.238.932	2.867.444
Khác	168.811	349.403
TỔNG CỘNG	393.293.016	339.967.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.534.234	106.967.466
Chi phí vật tư phục vụ bán hàng	80.283.913	78.121.155
Chi phí nhân viên	3.986.082	2.774.292
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.184.504	2.497.208
Chi phí khác	-	11.815.015
	<u>217.988.733</u>	<u>202.175.136</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	39.919.808	38.475.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.874.070	18.979.736
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	3.657.785	12.198.495
Chi phí khấu hao	4.498.619	4.778.400
Chi phí khác	7.311.988	11.900.734
	<u>83.262.270</u>	<u>86.332.677</u>
TỔNG CỘNG	<u>301.251.003</u>	<u>288.507.813</u>

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập khác		
Doanh thu thanh lý tài sản	4.618.324	-
Các khoản khác	5.844.927	2.283.352
	<u>10.463.251</u>	<u>2.283.352</u>
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	46.282.739	23.872.513
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	833.074	4.380.366
Các khoản khác	6.291.562	3.382.899
	<u>53.407.375</u>	<u>31.635.778</u>
LỖ KHÁC THUẦN	<u>(42.944.124)</u>	<u>(29.352.426)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2024: 20%). Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các công ty con của Công ty tại nước Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	-	884.809
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(20.015.007)	(15.391.144)
TỔNG CỘNG	(20.015.007)	(14.506.335)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	850.215.088	485.687.690
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):</i>		
Các khoản lỗ từ các công ty con	45.482.184	31.240.427
Phân bổ giá trị chênh lệch từ giao dịch mua tài sản ở khía cạnh hợp nhất	203.606.204	305.319.654
Mức trần chi phí lãi vay (*)	52.333.474	75.269.399
Thay đổi lãi chưa thực hiện trên hợp nhất	2.094.197	1.438.445
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(1.055.723.813)	(850.467.588)
Cán trừ lỗ kỳ trước	(19.056.771)	(930.939)
Các khoản khác	(33.468.379)	(47.557.088)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	-	884.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	884.809
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	103.625	28.054.814
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(65.958)	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(37.667)	(28.861.207)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	78.416
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	-	85.955
Thuế TNDN trả trước (TM số 20)	-	(7.539)

- (*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ như sau:

		Ngàn VND		
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>		
<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	393.775.766	413.790.773	(20.015.007)	(21.958.115)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.597.710	4.597.710	-	6.566.971
	398.373.476	418.388.483		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		(20.015.007)	(15.391.144)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con (đến ngày 25 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan của Giám đốc công ty con
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên chủ chốt (đến ngày 12 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan của thành viên HĐQT (đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan của thành viên Ban Tổng giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT độc lập (đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Ông Bùi Lê Quang	Thành viên HĐQT (đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên HĐQT độc lập (từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS (đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên BKS (đến ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Bà Đoàn Nguyễn Minh Hòa	Thành viên BKS (từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)
Bà Đinh Thị Lê Sa	Thành viên BKS (từ ngày 6 tháng 6 năm 2025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Tập đoàn trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Bà Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Bà Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Bà Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty
Ông Nguyễn Chí Thắng	Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con
	(đến ngày 7 tháng 2 năm 2025)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.482.018	126.821.950
	Mua hàng hóa và dịch vụ	12.781.063	100.457.214
	Lãi cho vay	48.984.173	72.244.359
	Chi hộ	6.541	-
	Cho vay	-	12.247.000
	Thu nhập khác	-	280.000
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Mua hàng hóa	42.259.447	27.076.550
	Lãi vay	452.748	-
	Đi vay	-	26.000.000
	Trả gốc vay	-	26.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Lãi cho vay	45.044.562	49.751.910
	Cho mượn	20.000.000	-
	Lãi trái phiếu	-	17.277.000
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	607.727
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.120.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bán hàng hóa	62.006.483	246.296.165
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Bán hàng hóa	-	221.465.451
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Bán hàng hóa	299.182.493	218.494.975
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán hàng hóa	521.053	521.053
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Bán hàng hóa	291.599	291.599
		362.001.628	687.069.243
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng hóa	1.158.458.693	969.470.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngàn VND	
Các bên liên quan	Lãi suất (%/năm)	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	7,5	1.183.527.287	1.183.527.287
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	7,5 - 10	1.049.740.743	1.177.520.568
Các bên liên quan khác	-	14.200	14.200
		2.233.282.230	2.361.062.055

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại các kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)			
Công ty TNHH	Cho mượn	410.703.871	410.703.871
Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	HĐ HTKD	350.000.000	350.000.000
	Lãi cho vay	108.856.950	63.812.388
	Khác	22.000	22.000
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Chi hộ	-	1.690.115
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Lãi cho vay	65.414.802	67.280.380
	Chi hộ	6.541	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Cho mượn	679.661	679.661
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Khác	129.400	129.400
		935.813.225	894.317.815
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)			
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Cho mượn	20.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngân VND	
Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)			
Công ty Cổ phần Cá Nước Ngọt Gia Lai	Mua hàng hóa	-	17.370.300
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Mua hàng hóa	12.922.878	12.922.878
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Mua hàng hóa	-	11.377.676
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Mua hàng hóa	11.690.238	10.680.626
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Mua hàng hóa	436.516	436.516
Các bên liên quan khác	Mua hàng hóa	50.150	63.520
		25.099.782	52.851.516
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)			
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Khác	2.046.784	4.589.720
Ông Lê Văn Thạch	Mượn tiền	2.356.119	2.433.711
Ông Trần Văn Dai	Khác	-	753.136
		4.402.903	7.776.567
Vay (TM số 23.5)			
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Vay	11.000.000	11.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tại Công ty trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.245.336	1.245.336
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	673.477	1.037.829
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	720.563	725.111
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	671.135	566.815
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	612.803	630.351
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	372.932	366.026
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT độc lập	162.000	162.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	108.000	108.000
Các cá nhân khác		692.844	692.495
TỔNG CỘNG		5.259.091	5.533.963

Ngoài ra, thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại các công ty con trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	162.000	81.000
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	16.400	-
TỔNG CỘNG		178.400	81.000

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	22.189.293	21.967.188
Từ 1 đến 5 năm	24.842.315	26.321.973
Trên 5 năm	84.190.065	85.489.119
TỔNG CỘNG	131.221.673	133.778.280

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (229,25 ha bờ booth, 224,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.

Ngoài ra, theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Tập đoàn đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	268.805.656	3.585.606.944
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	10.333.058	58.586.200
- Đô la Mỹ (USD)	2.825.021	66.937
- Đồng Euro (EUR)	153	163
- Đồng Nhân dân tệ (CNY)	-	14.394
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong kỳ vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

				Ngàn VND
	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	146.048.436	2.615.971.575	-	2.762.020.011
Giữa các bộ phận	1.875.208.373	448.054.053	(2.323.262.426)	-
Tổng cộng	2.021.256.809	3.064.025.628	(2.323.262.426)	2.762.020.011
Kết quả của bộ phận	24.832.013	955.810.154	-	980.642.167
Chi phí không phân bổ				(317.860.239)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				662.781.928
Thu nhập tài chính				162.872.958
Chi phí tài chính				(339.967.196)
Lợi nhuận trước thuế				485.687.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(884.809)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				15.391.144
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				500.194.025
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	8.125.626.597	12.908.797.325		21.034.423.922
Tiền				136.029.064
Tổng tài sản				21.170.452.986
Nợ phải trả của bộ phận	(5.649.489.203)	(6.659.377.590)		(12.308.866.793)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(441.219.507)		(441.219.507)
Tổng nợ phải trả				(12.750.086.300)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	196.131.150	3.513.036.679	-	3.709.167.829
Giữa các bộ phận	3.441.157.273	542.393.531	(3.983.550.804)	-
Tổng cộng	3.637.288.423	4.055.430.210	(3.983.550.804)	3.709.167.829
Kết quả của bộ phận	36.770.559	1.415.337.296	-	1.452.107.855
Chi phí không phân bổ				(344.195.127)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				1.107.912.728
Thu nhập tài chính				135.595.376
Chi phí tài chính				(393.293.016)
Lợi nhuận trước thuế				850.215.088
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				20.015.007
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				870.230.095
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	9.969.692.514	15.838.377.326	-	25.808.069.840
Tiền				193.660.855
Tổng tài sản				26.001.730.695
Nợ phải trả của bộ phận	(6.993.640.778)	(8.243.806.298)	-	(15.237.447.076)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(398.373.476)		(398.373.476)
Tổng nợ phải trả				(15.635.820.552)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngân VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	908.761.468	213.397.702	39.057.977	1.600.802.864	2.762.020.011
Chi phí hình thành tài sản cố định	77.654.993	126.498.624	96.098.549	-	300.252.166
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	14.356.272.121	4.719.149.346	1.959.002.455	-	21.034.423.922
Tiền					136.029.064
Tổng tài sản					21.170.452.986
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.220.392.607	286.575.726	52.451.681	2.149.747.815	3.709.167.829
Chi phí hình thành tài sản cố định	104.284.328	169.877.345	129.052.521	-	403.214.195
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	17.614.348.504	5.790.134.132	2.403.587.204	-	25.808.069.840
Tiền					193.660.855
Tổng tài sản					26.001.730.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2025